

Chi tiết mã HS 2520.10.00

Mã HS	2520.10.00
Mô tả hàng hóa	Thạch cao; thạch cao khan; thạch cao plaster (bao gồm thạch cao nung hoặc canxi sulphat đã nung), đã hoặc chưa nhuộm màu, có hoặc không thêm một lượng nhỏ chất xúc tác hoặc chất ức chế / - Thạch cao; thạch cao khan
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 18:34:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/25201000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3096
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3096
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3096
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3096
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3096
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3096
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3096

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3085
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3046
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3046
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3046
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3046
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3046
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3046
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3084
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3084

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3084
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3084
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3084
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3084
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3088
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3088
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3088
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3088
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3088
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3088
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3088
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3052
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3048
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3048
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3048
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3048
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3048
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3048
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3048
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3048
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3048
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3048
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3048
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3048
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3095
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3095

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3095
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3095
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3095
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3095
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3092
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3092
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3092
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3092
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3092
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3092
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D3100
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E3100
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F3100
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G3100
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H3100
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3100
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3071
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3071
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3071
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3071
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3071
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3071
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3073
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3073
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3073
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3073

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3073
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3073
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3069
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3069
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3069
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3069
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3069
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3069
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3069
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3092
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3092
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3092
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3092
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3092
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3092
RCEP B	2022	2022	0	B!D3092
RCEP B	2023	2023	0	B!E3092
RCEP B	2024	2024	0	B!F3092
RCEP B	2025	2025	0	B!G3092
RCEP B	2026	2026	0	B!H3092
RCEP B	2027	2027	0	B!I3092
RCEP C	2022	2022	0	C!D3092
RCEP C	2023	2023	0	C!E3092
RCEP C	2024	2024	0	C!F3092
RCEP C	2025	2025	0	C!G3092
RCEP C	2026	2026	0	C!H3092

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3092
RCEP D	2022	2022	0	D!D3092
RCEP D	2023	2023	0	D!E3092
RCEP D	2024	2024	0	D!F3092
RCEP D	2025	2025	0	D!G3092
RCEP D	2026	2026	0	D!H3092
RCEP D	2027	2027	0	D!I3092
RCEP E	2022	2022	0	E!D3095
RCEP E	2023	2023	0	E!E3095
RCEP E	2024	2024	0	E!F3095
RCEP E	2025	2025	0	E!G3095
RCEP E	2026	2026	0	E!H3095
RCEP E	2027	2027	0	E!I3095
RCEP F	2022	2022	0	F!D3092
RCEP F	2023	2023	0	F!E3092
RCEP F	2024	2024	0	F!F3092
RCEP F	2025	2025	0	F!G3092
RCEP F	2026	2026	0	F!H3092
RCEP F	2027	2027	0	F!I3092
VIFTA	2024	2024	2	VI!F2871
VIFTA	2025	2025	1	VI!G2871
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2871
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2871

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Độc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Độc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)		09/2024/TT-BYT-DM	Độc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá vôi và các loại đá có chứa canxi khác, dùng để sản xuất vôi hoặc xi măng; thạch cao và thạch cao khan > Thạch cao, thạch cao khan. (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2520.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2520.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3096), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Được liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.